TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **03**/2018/KDTM-ST Ngày 26 tháng 02 năm 2018 *V/v: Tranh chấp hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ chứng khoán*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lương Thị Phương**

2. Bà **Trần Phan Thị Hà**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội ghi biên bản phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố Hà Nội:

Bà **Nguyễn Bách Thiện Linh** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 46/2017/TLST - KDTM ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ chứng khoán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐST-KDTM ngày 31 tháng 01 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C; Đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú: Số 21 ngõ 32 đường B, phường Ngọc K, quận B, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: bà ***Chu Thị Ngọc M*** theo giấy ủy quyền ngày 06/11/2017.(có mặt)

2. Bị đơn: **Công ty Cổ phần chứng khoán Z** (gọi tắt là X), Trụ sở: Số 4 đường Liễu Giai, phường Cống Vị, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Quý H**; Chủ tịch HĐQT: Ông Jong Woong B (ông H có mặt, ông Jong Woong B có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người phiên dịch cho ông Jong Woong B: Bà Nguyễn Thị Bích Q; sinh năm: 1983. Địa chỉ: Tập thể Trần Hưng Đạo, phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 20/9/2011 Ông Nguyễn Văn C và Công ty Cổ phần chứng khoán Z (sau đây gọi tắt là X) có ký hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ chứng khoán. Ngày 03/10/2012 Ông C đã chuyển **9.044.569.688** (*Chín tỷ, không trăm bốn bốn triệu, năm trăm sáu chín nghìn, sáu trăm tám tám*) đồng vào tài khoản chứng khoán số 062C7336 mang tên Nguyễn Văn C tại X. Ngày 10/6/2016 xác nhận số dư trong tài khoản chứng khoán của Ông C là 7.337.646.185 (Bảy tỷ, ba trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm tám lăm) đồng. Ông C đã nhiều lần yêu cầu đề nghị rút tiền ra khỏi tài khoản chứng khoán nhưng không được đáp ứng thanh toán.

Nay Ông Nguyễn Văn C đề nghị Tòa án nhân dân quận B tuyên buộc X hoàn trả cho Ông C số tiền trong tài khoản chứng khoán số 062C7336 là 7.337.646.185 đồng.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm***:

+ Về thẩm quyền: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền theo Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; yêu cầu Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp kinh doanh thương mại giữa cá nhân và pháp nhân là quan hệ "tranh chấp hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ chứng khoán";

+ Xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo Điều 68 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

+ Tiến hành hòa giải, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, công bố chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ theo Điều 205, 206, 207, 208, 209, 210 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định tại Điều 220 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 và đã được tống đạt hợp lệ cho các đương sự;

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại chương XIV Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

+ Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các lời khai nhận giữa các bên đương sự và tài liệu thu thập được, nhận thấy hai bên thống nhất được với nhau về số tiền hiện tại trong tài khoản của Ông C tại X là 7.337.646.185 đồng. Tuy nhiên hai bên không thống nhất được với nhau về phương án trả tiền nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Từ những phân tích nhận định trên đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định: Căn cứ Điều 4, Điều 71 Luật Chứng khoán năm 2006 sửa đổi bổ sung năm 2010; Điều 5, Điều 35 Luật Giao dịch điện tử năm 2005; Điều 3, Điều 4 Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ chứng khoán ký kết giữa Ông C và X là có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn X trả cho nguyên đơn số tiền là 7.337.646.185 đồng. Buộc bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ông Nguyễn Văn C và X là tranh chấp hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ chứng khoán liên quan hoạt động kinh doanh giữa cá nhân và Công ty. X có trụ sở tại số 4 đường Liễu Giai, phường Cống Vị, quận B, thành phố Hà Nội. Căn cứ Điều 30, Điều 33, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội.

[2]. Về nội dung: Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của Ông C khai: Ông C có mở một tài khoản chứng khoán số 062C7336 (hoặc 062C7336C 062C007336) tại X. Sau khi mở tài khoản ông đã nộp tiền và kinh doanh chứng khoán tại tài khoản nêu trên. Ngày 03/10/2012, Ông C đã làm giấy đề nghị rút toàn bộ số tiền là **9.044.569.688 đồng** ra khỏi tài khoản chứng khoán và đã được Tổng giám đốc X ký duyệt, tuy nhiên X chỉ trả được một phần nhỏ và hứa sẽ trả tiếp sau khi thu xếp được tài chính trong năm 2012. Từ đó đến nay Ông C đã nhiều lần yêu cầu rút tiền của mình ra khỏi tài khoản nhưng không được X đáp ứng thanh toán. Đến nay số tiền còn lại tại tài khoản chứng khoán số 062C7336 mang tên Nguyễn Văn C có số dư 7.337.646.185 đồng theo giấy xác nhận số dư của X ngày 10 tháng 6 năm 2016. Nay ông đề nghị X trả cho anh toàn bộ số tiền là 7.337.646.185 đồng.

Xét thấy yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của Ông C tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc Ông Nguyễn Văn C và X ký kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ chứng khoán và phụ lục Hợp đồng ngày 20/9/2011 về nội dung cũng như hình thức hợp đồng dịch vụ này đều phù hợp với quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, các bên tham gia ký kết đều có đầy đủ năng lực về tư cách chủ thể, tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật, đại diện của Công ty theo đúng quy định của pháp luật nên có giá trị và hiệu lực thi hành đối với các bên, do vậy quyền và nghĩa vụ cũng như hậu quả pháp lý được quy đinh trong hợp đồng đều phải chịu trách nhiệm. Căn cứ vào Điều 3.6 của hợp đồng Ông C có quyền "***Chuyển, rút một phần hoặc toàn bộ tiền, chứng khoán trong tài khoản của nhà Đầu tư***". Ngày 03/10/2012 Ông C có giấy đề nghị rút vốn với số tiền 9.044.569.688 đồng. Tuy nhiên đến thời điểm hiện nay X vẫn chưa cho Ông C thực hiền quyền rút tiền trong tài khoản vi phạm Điều 3.6 của hợp đồng thì Ông C có quyền khởi kiện theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy tại bản tự khai ngày 09/11/2017 của ông Lê Quý H là đại diện theo pháp luật của X và tại các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 31/01/2018 X và ông Jong Woong B - Chủ tịch HĐQT là người trực tiếp ký vào giấy xác nhận số dư của X ngày 10/6/2016 đều xác nhận chưa trả cho Ông C số tiền 7.337.646.185 đồng. Trong biên bản hai bên thống nhất được với nhau về số tiền hiện tại trong tài khoản của Ông C tại X là 7.337.646.185 đồng. Tuy nhiên hai bên không thống nhất được với nhau về phương án trả tiền nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Sự thừa nhận của đại diện theo pháp luật của X là phù hợp với các tình tiết, chứng cứ có trong vụ án nên không phải chứng minh. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử công nhận sự thật.

Chính vì các lẽ trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận, buộc X phải trả nợ cho Ông C số tiền là 7.337.646.185 đồng.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm xét xử của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

- Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 4, Điều 71 Luật Chứng khoán năm 2006 sửa đổi bổ sung năm 2010; Bộ Luật dân sự năm 2005; Áp dụng khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147, Điều 184 và Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về yêu cầu trả tiền theo hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ chứng khoán ngày 03 tháng 10 năm 2012 với Công ty Cổ phần chứng khoán Z;

2. Công ty Cổ phần chứng khoán Z phải trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền là **7.337.646.185** (Bảy tỷ, ba trăm ba bảy triệu, sáu trăm bốn sáu nghìn, một trăm tám lăm) đồng.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần chứng khoán Z phải chịu **115.337.646** (*Một trăm mười lăm triệu, ba trăm ba bảy nghìn, sáu trăm bốn sáu*) đồng án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp **58.000.000** *(Năm mươi tám triệu)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: **7800** ngày 06 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bên đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 26 tháng 02 năm 2018.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận B;*
- *Chi cục THA dân sự quận B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Long